

Số: 131/QĐ-TH&THCSPTB

Tam Nông, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước
năm 2023 của Trường Tiểu học và trung học cơ sở Phú Thành B

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÚ THÀNH B

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1556/QĐ-UBND-HC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Tam Nông về việc giao dự toán bổ sung chi ngân sách Nhà nước năm 2023 cho các Trường Mần non, Trường Tiểu học, Trường Trung học cơ sở;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phú Thành B.

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2023 của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phú Thành B (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng tổ Văn phòng, bộ phận tài chính, Tổ trưởng tổ (chuyên môn) và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng TC-KH huyện;
- KBNN huyện;
- Công TTĐT (công khai);
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Lê Thanh Tùng

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường TH & THCS Phú Thành B

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2023 (Cấp học: Tiểu học)
(Quyết định số 131/QĐ-THCSPTB ngày 29/12/2023 của Trường TH & THCS Phú Thành B)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)



Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	32.401.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	32.401.000
1	Chi quản lý hành chính	
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	32.401.000
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	32.401.000
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	